

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



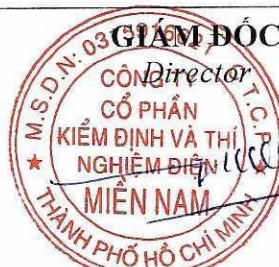
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 837/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 10/05/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN APS
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	KHO LẠNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO LẠNH KỶ NGUYÊN MỐI – Lô B25, B26, B27, B28-2 đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam
3. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Máy phát điện xoay chiều Electric Generator
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Thiết bị/ 01 Equipment
5. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	TN/QT-C; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; 11 TCN-18-2006; TCVN 6627-1:2014; TCVN 9729-12:2013; TCVN7447-6: 2011
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	09/05/2025
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: 1600REOZM
	Số chế tạo/ Serial No: 33TNGSLK0004
	Năm sản xuất/ Date of manufacture: 15/09/2023
	Nhà sản xuất/ Manufacture: KOHLER
	Công suất định mức/ Rated power: 1685 kVA
	Điện áp định mức/ Rated voltage: 3 Phase – 230/400 V
	Dòng điện định mức/ Rated current: 2432 Amps
8. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment	Vòng quay/ Revolution: 1500 rpm
	Tần số/ Frequency: 50 Hz
	Hệ số công suất/ Cos ϕ PF: 0,8
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	- MI2892, Kyoritsu 3125A, Fluke 355, Camera ảnh nhiệt UNI-T UTi260B.
10. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	537/25/ETSC
12. Kết luận Conclusion	Máy phát điện nêu trên đạt yêu cầu / Electric Generator Pass

Người Thực Hiện

Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện**Nguyễn Quốc Hoàn**



Số/Order: 837/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 10/05/2025 Trang/ Page: 2/2
----------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / *Visual check*: Không phát hiện bất thường/ *Pass*.

Đối tượng kiểm tra <i>Checking object</i>	Kết quả đo <i>Measurement results (MΩ)</i>	Đánh giá <i>Assess</i>
Nhãn mác/ <i>Label</i>	Rõ ràng/ <i>Clearly</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Kiểm tra lắp đặt/ <i>Check installation</i>	Chắc chắn/ <i>Sure</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ <i>Check the equipments exterior</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Dây nối đất của máy phát điện / <i>Earth conductor of the electric generator</i>	Chắc chắn/ <i>Sure</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Bề mặt cách điện/ <i>Insulation surface</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Hệ thống cách âm/ <i>Soundproofing system</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Hệ thống chống rung/ <i>Anti-vibration system</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
Hệ thống làm mát/ <i>Cooling system</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>

10.2 Kiểm tra vận hành/ *Operation test*

Stt	Phần trăm tải (%)	Thời gian thử (min)	Điện áp (VAC)			Dòng điện (A)			Tần số (Hz)	Công suất (kW)	Vòng quay (rpm)	Nhiệt độ (°C)	Áp suất (kPa)
			L1 - L2	L2 - L3	L3 - L1	Phase L1	Phase L2	Phase L3					
1	0	5	400	400	401	0	0	0	50	0	1500	49	867
2	25	5	401	400	400	530	480	450	50	338	1500	68	797
3	49	5	401	400	399	1025	945	910	50	664	1500	68	768
4	73	5	401	400	399	1530	1415	1380	50	996	1500	72	754
5	100	25	401	400	399	2055	1910	1870	50	1344	1500	79	734
6	0	5	398	402	400	0	0	0	50	0	1500	67	764